



quán gōng

颧弓

noun · zygomatic arch

Example Sentence

Tā de quán gōng zài shì gù zhōng gǔ zhé le.
他的颧弓在事故中骨折了。

His zygomatic arch was fractured in the accident.

Trace each character, then write the word on your own.

颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧
颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧	颧
颧	颧	颧	颧							

弓	弓	弓	弓	弓	弓					